Người ký: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
Email: hdnd@thuathienhue.gov.vn
Cơ quan: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
Thời gian ký: 09.11.2026 15:38:23 +07:00

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 61 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số	Tr.đó: NSTW								
	TỔNG CỘNG								**675.362**	**675.362**	**147.284**	**-147.284**		
A	**Vốn tập trung trong nước**				**136.036**	**0**	**49.612**	**37.000**	**44.000**	**44.000**	**9.000**	**-9.000**		
I	**Công trình công cộng tại các đô thị**				**12.232**	**0**	**7.612**	**0**	**0**	**2.500**	**2.500**	**0**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**12.232**	**0**	**7.612**	**0**	**0**	**2.500**	**2.500**	**0**		
1	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp An Hòa giai đoạn 9 (đợt 4)	Hương An	2024-2026	10718 ngày 31/12/2022; 499 ngày 30/01/2026	12.232		7.612	0	0	2.500	2.500		Ban QLDA ĐTXD khu vực Khu kinh tế công nghiệp	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành 2026
II	**Công nghệ thông tin**				**22.848**	**0**	**15.000**	**15.000**	**22.000**	**20.000**	**0**	**-2.000**		
a	**Dự án khởi công mới năm 2026**				**22.848**		**15.000**	**15.000**	**22.000**	**20.000**	**-**	**-2.000**		
1	Đầu tư trang thiết bị phục vụ triển khai Đề án 06	Huế	2026-2027	2781 ngày 30/8/2025	22.848		**15.000**	**15.000**	22.000	20.000		-2.000	Công an TP Huế	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
III	**Quốc phòng**				**69.654**	**0**	**20.000**	**20.000**	**20.000**	**15.000**	**0**	**-5.000**		
a	**Dự án khởi công mới năm 2026**				**69.654**	**0**	**20.000**	**20.000**	**20.000**	**15.000**	**0**	**-5.000**		
1	Đường giao thông cắt qua biên giới tại cửa khẩu chính Hồng Vân - Cô Tài và xây dựng mốc 644BIS	A Lưới 1	2026-2028	2053 ngày 18/6/2026	69.654		20.000	20.000	20.000	15.000		-5.000	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng TP Huế	Dự án không có khả năng giải ngân hết KH2026
IV	**Xã hội**				**22.310**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6.500**	**6.500**	**0**		
a	**Dự án khởi công mới năm 2026**				**22.310**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6.500**	**6.500**	**0**		
1	Xây dựng các hạng mục bổ sung tại Cơ sở cai nghiện ma tuý trên địa bàn thành phố Huế		2026-2029	253 ngày 14/5/2026	22.310		**0**	**0**	0	6.500	6.500		Công an TP Huế	Dự án cấp bách; triển khai theo chỉ đạo UBND TP tại Công văn số 897/UBND-XDCB ngày 19/01/2026
V	**Dự án chuyển tiếp cấp huyện (cũ) chuyển lên thành phố**				**8.992**	**0**	**7.000**	**2.000**	**2.000**	**0**	**0**	**-2.000**		
1	Trường Tiểu học Thuận Thành		2024-2026		8.992		7.000	2.000	2.000	0		-2.000	Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Dự án chuẩn bị triển khai chậm
B	**Nguồn vốn Xổ số kiến thiết**								**34.500**	**34.500**	**31.500**	**-31.500**		
I	**Thể dục, thể thao**								**15.000**	**0**	**0**	**-15.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**								**15.000**	**0**	**0**	**-15.000**		
1	Trường Trung cấp Thể dục Thể thao Huế(cơ sở 2)	Thuận Hoá	2023-2026	2533 ngày 01/10/2024	29.300	0	25.000	15.000	15.000	0		-15.000	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Dự án dừng do vướng mắc công tác GPMB
II	**Y tế, dân số và gia đình**				**51.000**	**46.500**	**50.500**	**4.000**	**4.000**	**2.000**	**0**	**-2.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**51.000**	**46.500**	**50.500**	**4.000**	**4.000**	**2.000**	**0**	**-2.000**		
1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 31 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Thừa Thiên Huế	toàn thành phố	2023-2026	2418 ngày 05/10/2022	51.000	46.500	50.500	4.000	4.000	2.000		-2.000	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	HT 2026, hết nhiệm vụ chi; quyết toán
III	**Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**				**115.500**	**0**	**23.910**	**15.500**	**15.500**	**9.968**	**8.968**	**-14.500**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**93.000**	**0**	**23.910**	**15.500**	**15.500**	**1.000**	**0**	**-14.500**		
1	Trường THPT Đặng Trần Côn (giai đoạn 1).	Phú Xuân	2024-2026	2509 ngày 27/10/2017	93.000		23.910	15.500	15.500	1.000		-14.500	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Dự án dừng do thay đổi địa điểm xây dựng
b	**Dự án khởi công mới năm 2026**				**22.500**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8.968**	**8.968**	**0**		
1	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Thuận An (giai đoạn 4)	Thuận An	2026-2028	2231 ngày 30/6/2026	22.500		0	0	0	8.968	8.968		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Khởi công mới 2026

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số	Tr.đó: NSTW								
IV	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**							**0**	**0**	**22.532**	**22.532**	**0**		
1	Chương trình MTQG nông thôn mới giai đoạn 2021-2025									22.532	22.532			Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm
C	**Nguồn thu sử dụng đất**				**9.046.131**	**5.775.904**	**7.202.801**	**848.888**	**596.862**	**596.862**	**106.784**	**-106.784**		
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**				**194.039**	**0**	**130.978**	**37.800**	**37.800**	**23.139**	**2.339**	**-17.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**105.039**	**0**	**100.978**	**7.800**	**7.800**	**8.859**	**2.339**	**-1.280**		
1	Cấp nước sản xuất cho khu tái định cư thủy điện A Lưới tại xã Hồng Thượng, huyện A Lưới	A Lưới 3	2024-2026	3475 ngày 31/12/2024; 640 ngày 06/3/2025	7.500		7.000	3.000	3.000	1.900		-1.100	Công ty TNHH NN 1 TV QL khai thác công trình thủy lợi TP Huế	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
2	Kè sông Bồ qua phường Tứ Hạ, phường Hương Xuân, phường Hương Vân, thị xã Hương Trà	Tứ Hạ, Hương Xuân; Hương Vân	2024-2027	2594 ngày 14/10/2021; 2601 ngày 01/11/2023; 3045 ngày 26/11/2024; 1569 ngày 30/5/2025; 2806 ngày 13/8/2026	36.839		35.200	0	0	1.500	1.500		Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT TP Huế	Hoàn thành năm 2026
3	Hệ thống trạm bơm tưới, tiêu huyện Phú Vang	Phú Vang, Phú Vinh	2023-2026	233 ngày 19/01/2023	29.000		29.000	4.800	4.800	4.620		-180	Công ty TNHH NN 1 TV QL khai thác công trình thủy lợi TP Huế	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thọ Sơn	Hương Trà, Kim Trà	2018-2026	2486 ngày 27/10/2017 1987 ngày 19/6/2026	31.700		29.778	0	0	839	839		Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT TP Huế	Hoàn thành năm 2026
b	**Dự án khởi công mới năm 2026**				**89.000**	**0**	**30.000**	**30.000**	**30.000**	**14.280**	**0**	**-15.720**		
1	Cứng hóa bờ hói Hàng Tổng, cải tạo nâng cấp cống Phước Lý và nạo vét, gia cố thủy đạo sau cống.	Quảng Điền	2026-2028	566 ngày 06/02/2026	54.000		15.000	15.000	15.000	8.280		-6.720	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Ưu tiên thanh toán vốn lụt bão NSTW
2	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông Ô Lâu qua xã Phong Mỹ, Phong Hòa và Phong Bình, huyện Phong Điền	Phong Điền, Phong Dinh	2026-2028	3613 ngày 26/11/2025	35.000		15.000	15.000	15.000	6.000		-9.000	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Ưu tiên thanh toán vốn lụt bão NSTW
II	**Giao thông**					**3.757.912**	**3.500.522**	**317.500**	**65.000**	**54.550**	**32.550**	**-43.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**4.495.859**	**3.757.912**	**3.485.522**	**302.500**	**50.000**	**51.550**	**29.550**	**-28.000**		
1	Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc	nhiều phường, xã	2021-2026	1330 ngày 10/7/2015 609 ngày 5/3/2020 1796 ngày 28/7/2022 2367 ngày 30/9/2022; 1067 ngày 24/4/2024	754.027	583.912	666.000	10.000	10.000	35.000	25.000		Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	Dự án hoàn thành 2026, thanh toán KLHT
2	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An	Thuận An, Phú Vinh	2021-2027	2012 ngày 16/8/2021; 1000 ngày 25/4/2022; 2949 ngày 14/12/2023	3.496.000	3.174.000	2.604.450	262.500	10.000	5.000		-5.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	Ưu tiên thanh toán NSTW
3	Đường Tây phá Tam Giang - Cầu Hai nối dài (đoạn Phú Đa - Phú Gia)	Phú Vang	2024-2027	1497 ngày 06/6/2024	100.000		95.000	30.000	30.000	7.000		-23.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	Ưu tiên giải ngân nguồn tăng thu 2025
4	Hệ thống đường giao thông (đường nội thị từ đường Hồ Chí Minh đi cầu Hồng Quảng giai đoạn 2, nâng cấp mở rộng đường nội thị Kim Đồng, đường nội thi A Sáp và đường Hồ Huấn Nghiệp) huyện A Lưới).	A Lưới 2	2022-2026	3542 ngày 31/12/2021; 2238 ngày 20/8/2024; 2258 ngày 30/6/2026	45.747		37.500	0	0	4.000	4.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Hoàn thành năm 2026
5	Dự án Cầu bắc qua sông Lợi Nông(nối từ đường 26m khu nhà ở An Đông sang đường 100 khu A, Khu đô thị mới An Vân Dương)	An Cựu	2016-2026	2568 ngày 26/10/2016 2496 ngày 25/9/2020; 2296 ngày 30/6/2026	100.085		82.572	0	0	550	550		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Hoàn thành năm 2026
b	**Dự án khởi công mới năm 2026**				**132.250**	**0**	**15.000**	**15.000**	**15.000**	**3.000**	**3.000**	**-15.000**		
1	Tuyến đường giao thông kết nối vào Khu du lịch nghỉ dưỡng Phú Diên 2 tại xã Phú Vinh, thành phố Huế	Phú Vinh	2026-2028	3749 ngày 09/12/2025	9.893		0	0	0	3.000	3.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	YKCĐ của UBND TP tại Công văn số 5199/UBND-GT ngày 14/4/2026 của UBND TP

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số	Tr.đó: NSTW								
2	Các tuyến đường xung quanh dự án Cơ sở làm việc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Vỹ Dạ	2026-2028	1132 ngày 06/4/2026	122.357		15.000	15.000	15.000	0		-15.000	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Ưu tiên thanh toán nguồn tăng thu 2025
III	**Khu công nghiệp và khu kinh tế**				**119.085**	**0**	**56.674**	**30.000**	**64.000**	**57.500**	**0**	**-6.500**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**119.085**	**0**	**56.674**	**30.000**	**64.000**	**57.500**	**0**	**-6.500**		
1	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu phi thuế quan Chân Mây – giai đoạn 1 (tên cũ là: Hệ thống cây xanh cách ly theo quy hoạch tại các khu đất tiếp giáp đường nối Quốc lộ 1A ra cảng Chân Mây và đường giữa khu công nghiệp số 2 và số 3)	Chân Mây - Lăng Cô	2023-2026	164 ngày 10/8/2023	119.085		56.674	30.000	64.000	57.500		-6.500	Ban QLDA ĐTXD khu vực Khu Kinh tế, công nghiệp	Tiến độ GPMB chậm
IV	**Công trình công cộng tại các đô thị**					**0**	**193.853**	**0**	**0**	**9.750**	**9.750**	**0**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**					**0**	**193.853**	**0**	**0**	**9.750**	**9.750**	**0**		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 9)	Hương An	2021-2026	84 ngày 12/01/2021; 2296 ngày 30/6/2026	125.600		97.153	0	0	6.000	6.000		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
2	Hạ tầng kỹ thuật khu định cư Bàu Vá giai đoạn 3	Thủy Xuân	2014-2026	2144 ngày 23/10/2013 2638 ngày 29/10/2016; 2296 ngày 30/6/2026	48.012		44.183		0	800	800		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
3	Khu dân cư Xóm Hành mở rộng	An Cựu	2006-2026	799 ngày 08/3/2005; 992 ngày 15/5/2009; 1277ngày 13/7/2010; 1469 ngày 07/5/2026	26.051		22.418		0	2.400	2.400		Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	Hoàn thành xử lý vướng mắc kéo dài
4	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu nhà biệt thự trục đường QL IA-Lăng Tự Đức			499 ngày 12/02/2007 1604 ngày 17/7/2017; 2437 ngày 13/7/2026	42.117		30.099	0	0	550	550		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
V	**Bảo vệ môi trường**				**28.733**	**0**	**15.949**	**0**	**0**	**3.000**	**3.000**	**0**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**28.733**	**0**	**15.949**	**0**	**0**	**3.000**	**3.000**	**0**		
1	Bãi chôn lấp rác dự phòng Phú Sơn	Phú Bài	2022-2026	672 ngày 17/3/2022	28.733		15.949		0	3.000	3.000		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Hoàn thành năm 2026
VI	**Y tế, dân số và gia đình**				**135.809**	**50.992**	**121.085**	**6.988**	**6.988**	**1.778**	**0**	**-5.210**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**135.809**	**50.992**	**121.085**	**6.988**	**6.988**	**1.778**	**0**	**-5.210**		
1	Cải thiện dịch vụ y tế tỉnh Thừa Thiên Huế	toàn thành phố	2019-2026	2569 ngày 26/10/2016 2321 ngày 23/9/2019; 719 ngày 17/3/2025	60.955	50.992	73.992	3.000	3.000	0		-3.000	Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Dừng thực hiện dự án
2	Dự án "Làng hòa bình Việt Nam - hàn Quốc" sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc	A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3 A Lưới 4	2022-2026	103 ngày 26/10/2022	74.854		47.093	3.988	3.988	1.778		-2.210	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Phù hợp khả năng giải ngân vốn đối ứng năm 2026
VII	**Xã hội**								**50.000**	**62.474**	**12.474**	**0**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**								**50.000**	**62.474**	**12.474**	**0**		
1	Cấp vốn uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác	Huế	2026-2030	03/2026/NQ-HĐND ngày 31/3/2026	672.500		60.392	50.000	50.000	62.474	12.474		Ngân hàng Chính sách chi nhánh TP Huế	
VIII	**Văn hoá, thông tin**				**2.060.998**	**1.927.000**	**2.028.526**	**0**	**0**	**15.000**	**15.000**	**0**		
1	Dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế	Phú Xuân	2026-2026		2.060.998	1.927.000	2.028.526	0	0	15.000	15.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	
-	Hợp phần Bồi thường, giải phóng mặt bằng	Phú Xuân	2012-2026	13 ngày 26/02/2021; 74 ngày 25/9/2024; 168 ngày 12/01/2026	2.060.998	1.927.000	2.028.526	0	0	15.000	15.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Hoàn thành năm 2026
IX	**Quốc phòng**				**20.000**	**0**	**11.829**	**0**	**0**	**6.500**	**6.500**	**0**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**20.000**	**0**	**11.829**	**0**	**0**	**6.500**	**6.500**	**0**		
1	HTKT khu đất thao trường huấn luyện Phú Bài	Phú Bài	2023-2026	2668 ngày 21/10/2021' 2201 ngày 29/6/2026	20.000		11.829	0	0	6.500	6.500		Bộ chỉ huy quân sự TP Huế	Hoàn thành năm 2026

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số	Tr.đó: NSTW								
X	**An ninh và trật tự an toàn xã hội**				**799.000**	**40.000**	**975.000**	**355.000**	**355.000**	**335.000**	**0**	**-20.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**799.000**	**40.000**	**975.000**	**355.000**	**355.000**	**335.000**	**0**	**-20.000**		
1	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Vỹ Dạ	2023-2027	2649/QĐ-BCA-H01 ngày 30/10/2019; 07 ngày 26/01/2024	799.000	40.000	975.000	355.000	355.000	335.000		-20.000	Công an TP Huế	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
XI	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**				**0**	**0**	**50.000**	**50.000**	**14.074**	**0**	**0**	**-14.074**		
1	Hoàn ứng trước ngân sách						50.000	50.000	14.074	0	0	-14.074	Phân khai bằng số giải ngân ứng trước	Hoàn ứng NSĐP
-	Hoàn ứng trước ngân sách còn lại								14.074	0		-14.074		Đã hoàn ứng hết NSĐP; hết nhiệm vụ chi
XII	**Dự án chuyển tiếp cấp huyện (cũ) bàn chuyển lên thành phố**				**146.078**	**0**	**57.993**	**1.600**	**4.000**	**28.171**	**25.171**	**-1.000**		
1	Cầu qua sông Nhất Đông nối đường Nguyễn Lộ Trạch	Vỹ Dạ	2022-2027	4056 ngày 14/6/2022; 3125 ngày 01/10/2025; 1675 ngày 28/5/2026	66.324		32.731	0	0	15.000	15.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ
2	Hạ tầng phát triển quỹ đất khu trung tâm xã Điền Lộc	Phong Phú	đến 31/10/2026	3301/QĐ-UBND huyện ngày 01/9/2021; 2298 ngày 30/6/2026	38.000		12.154			1.800	1.800		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
3	Mở rộng Đường Đoàn Trọng Truyến (giai đoạn 2)	Phú Lộc	2024-2026	1655 ngày 17/5/2024; 2137 ngày 24/6/2026	7.854		6.397		0	1.000	1.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
4	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường nằm trong vùng bị ảnh hưởng khai thác khoáng sản Lộc Tiến	Chân Mây - Lăng Cô	2024-2026	2185 ngày 26/6/2024	4.000		1.311			300	300		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026; đã hoàn thành giải quyết vướng mắc
5	Đường từ khu quy hoạch Tổ dân phố 1 đến trung tâm Y tế huyện Nam Đông	Khe Tre	2026-2028	1805 ngày 14/12/2024 (huyện Nam Đông)	24.500				0	7.071	7.071		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Khởi công mới 2026
6	Kênh thoát lũ đập vòng Phú Đa 1	Phú Vang	2025-2026	4243 ngày 26/12/2024	3.000		3.000	1.600	1.600	1.000		-600	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
7	Xây dựng 02 phòng THCS Phú Hồ	Phú Hồ	2025-2026	648 ngày 20/3/2025	2.400		2.400		2.400	2.000		-400	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT 2026, hết nhiệm vụ chi

Phụ lục 2

Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 61 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2025, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND thành phố						Lũy kế kế hoạch vốn bố trí đến ngày 31/12/2025					Lũy kế giải ngân đến ngày 30/6/2026					Kế hoạch vốn còn lại = Tổng mức đầu tư - Lũy kế vốn bố trí					Kế hoạch vốn NSTP phân khai đợt này	Chủ đầu tư trước ngày 01/10/2026	Chủ đầu tư từ ngày 01/10/2026	Ghi chú
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Tổng cộng	Trong đó:					NSĐP, nhân dân đóng góp và huy động khác					NSĐP, nhân dân đóng góp và huy động khác					NSĐP, nhân dân đóng góp và huy động khác						
							NSTW	NSĐP, nhân dân đóng góp và huy động khác				NSTW	Tổng cộng	Trong đó:		NSTW	Tổng cộng	Trong đó:		NSTW	Tổng cộng	Trong đó:		NSTW	Tổng cộng	Trong đó:				
								Tổng cộng	Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác				Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác				Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác				Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	7=8+9	(8)	9=10+11	(10)	(11)	12=13+14	(13)	14=15+16	(15)	(16)	17=18+19	(18)	19=20+21	(20)	(21)	(22)	(23)	24=25+26	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
	Tổng số					**92.723**	**27.381**	**65.342**	**54.767**	**10.575**	**58.985**	**27.381**	**31.604**	**28.229**	**3.375**	**50.310**	**24.365**	**25.945**	**24.518**	**1.427**	**58.103**	**24.365**	**33.738**	**26.538**	**7.200**	**22.532**			
1	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng Trạm bơm tiêu Đồng Lâm, xã Quảng Vinh	Ban Điền	2024-2025	Đê bao dài 1.078,4m; kênh tiêu 748,6m và các công trình trên tuyến, chống lũ tiểu mãn, lũ sớm cho 150ha lúa 02 vụ vùng tả biên 3 xã Phú - Vinh - Thọ	2298/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	9.000		9.000	9.000		5.900		5.900	5.900		5.900		5.900	5.900		3.100		3.100	3.100	0	2.698	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực 2	Ban QLDA đầu tư xây dựng Bắc Sông Hương	
2	Hệ thống hạ tầng CNTT cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn xã Quảng Thọ	Quảng Điền	2023-2025		2199Q/QĐ-UBND ngày 02/07/2024	7.500	3.000	4.500	1.800	2.700	4.427	3.000	1.427		1.427	4.427	3.000	1.427		1.427	6.073	3.000	3.073	1.800	1.273	1.800	UBND xã Quảng Điền	UBND xã Quảng Điền	
3	Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Lộc Thuỷ	Xã Chân Mây-Lăng Cô	2023-2025	Dài 4,4 km, kết cấu mặt đường bê tông, rộng 3,5m, nền đường rộng 5,5m	4304/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	8.100	3.512	4.588	2.947	1.641	6.290	3.512	2.778	2.778		5.284	3.040	2.244	2.244		4.850	3.040	1.810	169	1.641	271	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	
4	Xây dựng trường đạt chuẩn 2024 - Hạng mục: Nhà đa năng Trường THCS Lộc An	Lộc An	2023-2025		2370/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	6.000		6.000	5.100	900	4.176		4.176	4.176		4.176		4.176	4.176		1.824		1.824	924	900	924	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực 3	Ban QLDA đầu tư xây dựng Nam Sông Hương	
5	Hệ thống giao thông xã Lộc Tiến (từ Trường Cấp 1 thôn thuỷ Tụ đến giáp ranh giới Lộc Thuỷ, Từ đường sắt đến Trường bắn Bàu Ghè)	Xã Chân Mây-Lăng Cô	2024-2025	Xây mới 3 tuyến đường/2.902m kết cấu BTXM, nền đường 4,5m, mặt đường 3,5m và công trình trên tuyến	4307/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	7.000	3.035	3.965	2.546	1.419	4.454	3.035	1.419	1.419		3.614	3.035	579	579		5.581	3.035	2.546	1.127	1.419	800	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	
6	Đường nội đồng (từ Đá Bàng đến giáp ranh HTX Song Thuỷ), từ ven sông Thừa Lưu đến giáp ranh Lộc Thuỷ	Xã Chân Mây-Lăng Cô	2024-2025	Nâng cấp, sửa chữa 982m đê kết hợp giao thông nội đồng và công trình trên tuyến; nâng cấp 835,6m đường nội đồng, nền đường từ 4-5m, mặt đường từ 3-3,5m và công trình trên tuyến	4163/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	5.300	2.168	3.132	1.770	1.362	3.806	2.168	1.638	325	1.313	1.341	1.341	0			2.835	1.341	1.494	1.445	49	450	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	
7	Trạm bơm Thủy Yên và hệ thống kênh mương nội đồng	Xã Chân Mây-Lăng Cô	2024-2025	ram bơm điện và hệ thống điện; xây mới 2.941m kênh mương và các công qua đường	4166/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	6.176	2.600	3.576	1.933	1.643	3.375	2.600	775	300	475	1.883	1.883	0			4.684	1.883	2.801	1.633	1.168	2.256	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	UBND xã Chân Mây-Lăng Cô	
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường Tỉnh lộ 14B đến Trường Tiểu học Thượng Quảng, xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông	Long Quảng	2024-2025	Nâng cấp tuyến đường dài 0,57km, nền đường 6,5m, mặt đường 5,5m; kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến	1615/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	2.700	1.890	810	810		1.890	1.890	0			1.890	1.890	0			2.700	1.890	810	810	0	151	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực 3	Ban QLDA đầu tư xây dựng Nam Sông Hương	
9	Nghĩa trang nhân dân xã Hương Sơn	Nam Đông	2023-2025		1780/QĐ-UBND ngày 7/12/2023	1.130		1.130	1.000	130	400		400	400		400	0	400	400		730	0	730	600	130	600	UBND xã Nam Đông	UBND xã Nam Đông	
10	Mương thoát nước từ nhà ông Hùng đến nhà ông Ban	Nam Đông	2023-2025		1698/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	600		600	500	100	250		250	250		250		250	250		350		350	250	100	250	UBND xã Nam Đông	UBND xã Nam Đông	
11	Đường từ khe Ka Đầu đến khe Le Tây	Nam Đông	2023-2025		1658/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	500		500	430	70	200		200	200		200		200	200		300		300	230	70	230	UBND xã Nam Đông	UBND xã Nam Đông	
12	Nâng cấp hệ thống thủy lợi xã Thượng Nhật	Nam Đông	2023-2025		1850/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	400		400	350	50	150		150	150		150		150	150		250		250	200	50	200	UBND xã Nam Đông	UBND xã Nam Đông	
13	Hệ thống mương thoát nước khu trung tâm xã Hương Phú	Khe Tre	2023-2025	197,5m; mương BTCT có đậy đan	1639/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	500		500	440	60	200		200	200		200		200	200		300		300	240	60	240	UBND xã Khe Tre	UBND xã Khe Tre	
14	Đường điện chiếu sáng khu trung tâm xã Hương Phú	Khe Tre	2023-2025	350m; 10 trụ đèn led, tủ điều khiển, phụ kiện khác	1599/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	500		500	440	60	200		200	200		200		200	200		300		300	240	60	240	UBND xã Khe Tre	UBND xã Khe Tre	
15	Đường dân sinh thôn Hà An, xã Hương Phú	Khe Tre	2023-2025	274,6m; bê tông nhựa	1662/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	500		500	440	60	200		200	200		200		200	200		300		300	240	60	240	UBND xã Khe Tre	UBND xã Khe Tre	
16	Hệ thống điện chiếu sáng thôn 2 xã Hương Lộc	Khe Tre	2023-2025	450m; 10 trụ đèn led, tủ điều khiển, phụ kiện khác	1614/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	600		600	500	100	250		250	250		248		248	248		350		350	250	100	250	UBND xã Khe Tre	UBND xã Khe Tre	
17	Chỉnh trang hệ thống cây xanh thôn 3 xã Hương Lộc	Khe Tre	2023-2025	Trồng và chỉnh trang hệ thống cây xanh	1696/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	750		750	650	100	300		300	300		300		300	300		450		450	350	100	350	UBND xã Khe Tre	UBND xã Khe Tre	
18	Hạ tầng phát triển du lịch nông thôn: Điểm du lịch cộng đồng thôn Dỏi, xã Thượng Lộ	Khe Tre	2024-2025	Nhà đón tiếp, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, sân đường nội bộ và hạng mục phụ trợ khác	744/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	5.485	1.214	4.271	4.271		3.864	1.214	2.650	2.650		3.864	1.214	2.650	2.650		2.835	1.214	1.621	1.621	0	273	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực 3	Ban QLDA đầu tư xây dựng Nam Sông Hương	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số	Tr.đó: NSTW								
X	**An ninh và trật tự an toàn xã hội**				**799.000**	**40.000**	**975.000**	**355.000**	**355.000**	**335.000**	**0**	**-20.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2026**				**799.000**	**40.000**	**975.000**	**355.000**	**355.000**	**335.000**	**0**	**-20.000**		
1	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Vỹ Dạ	2023-2027	2649/QĐ-BCA-H01 ngày 30/10/2019; 07 ngày 26/01/2024	799.000	40.000	975.000	355.000	355.000	335.000		-20.000	Công an TP Huế	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
XI	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**				**0**	**0**	**50.000**	**50.000**	**14.074**	**0**	**0**	**-14.074**		
1	Hoàn ứng trước ngân sách						50.000	50.000	14.074	0	0	-14.074	Phân khai bằng số giải ngân ứng trước	Hoàn ứng NSĐP
-	Hoàn ứng trước ngân sách còn lại								14.074	0		-14.074		Đã hoàn ứng hết NSĐP; hết nhiệm vụ chi
XII	**Dự án chuyển tiếp cấp huyện (cũ) bàn chuyển lên thành phố**				**146.078**	**0**	**57.993**	**1.600**	**4.000**	**28.171**	**25.171**	**-1.000**		
1	Cầu qua sông Nhất Đông nối đường Nguyễn Lộ Trạch	Vỹ Dạ	2022-2027	4056 ngày 14/6/2022; 3125 ngày 01/10/2025; 1675 ngày 28/5/2026	66.324		32.731	0	0	15.000	15.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ
2	Hạ tầng phát triển quỹ đất khu trung tâm xã Điền Lộc	Phong Phú	đến 31/10/2026	3301/QĐ-UBND huyện ngày 01/9/2021; 2298 ngày 30/6/2026	38.000		12.154			1.800	1.800		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
3	Mở rộng Đường Đoàn Trọng Truyến (giai đoạn 2)	Phú Lộc	2024-2026	1655 ngày 17/5/2024; 2137 ngày 24/6/2026	7.854		6.397		0	1.000	1.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ HT2026
4	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường nằm trong vùng bị ảnh hưởng khai thác khoáng sản Lộc Tiến	Chân Mây - Lăng Cô	2024-2026	2185 ngày 26/6/2024	4.000		1.311			300	300		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026; đã hoàn thành giải quyết vướng mắc
5	Đường từ khu quy hoạch Tổ dân phố 1 đến trung tâm Y tế huyện Nam Đông	Khe Tre	2026-2028	1805 ngày 14/12/2024 (huyện Nam Đông)	24.500				0	7.071	7.071		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Khởi công mới 2026
6	Kênh thoát lũ đập vòng Phú Đa 1	Phú Vang	2025-2026	4243 ngày 26/12/2024	3.000		3.000	1.600	1.600	1.000		-600	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT 2026, hết nhiệm vụ chi
7	Xây dựng 02 phòng THCS Phú Hồ	Phú Hồ	2025-2026	648 ngày 20/3/2025	2.400		2.400		2.400	2.000		-400	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT 2026, hết nhiệm vụ chi